

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI



EVN TPC PHA LAI

Địa chỉ: phường Phả Lại – thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203 881 126

Fax: 03203 881 388

Webside: www.ppc.evn.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Hải Dương, tháng 4 năm 2013

Số: 1485/BC-PPC-KHVT

Hải Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2013

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
NĂM 2012**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**
- Tên giao dịch quốc tế: **Pha Lai Thermal Power Joint-Stock Company**
- Tên viết tắt: **PPC**
- Vốn điều lệ: **3.262.350.000.000 VND**
- Địa chỉ: phường Phả Lại - thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 03203 881 126; Fax: 03203 881 338
- Website: <http://www.ppc.evn.vn>
- Mã cổ phiếu: **PPC**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại) được thành lập theo Quyết định số 22 ĐL/TCCB ngày 26/4/1982 của Bộ Điện lực là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 1995 Nhà máy là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (theo Quyết định số 121NL/TCCB-LĐ ngày 04/3/1995 của Bộ Năng lượng), hạch toán phụ thuộc.

Ngày 30 tháng 3 năm 2005 Bộ Công Nghiệp có Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập - thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18 tháng 5 năm 2005 Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, Công ty TNHH một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01/7/2005.

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/01/2006; đăng ký thay đổi lần 5: ngày 18 tháng 12 năm 2012.

2.2. Các mốc sự kiện quan trọng

Năm	Sự kiện kiện
1982	Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại theo quyết định của Bộ Điện lực, trực thuộc Công ty Điện lực I.
1983	Tổ máy số 1 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1984	Tổ máy số 2 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1985	Tổ máy số 3 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1986	Tổ máy số 4 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1995	Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
2001	Tổ máy số 5 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2002	Tổ máy số 6 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2005	Bộ Công nghiệp quyết định chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại
2005	Bộ Công nghiệp có quyết định về việc chuyển Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
26/1/2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
13/3/2006	Bộ Công nghiệp đã có văn bản số 1294/BCN-TCCB đồng ý về chủ trương bán tiếp cổ phần Nhà nước.
15/5/2006	Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 12/QĐ-TTGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
19/5/2006	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK Hà Nội
8/1/2007	TTGDCK Hà Nội có quyết định chấp thuận hủy đăng ký giao dịch tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại để chuyển sang niêm yết tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
17/01/2007	UBCKNN có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
26/01/2007	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK TP Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;

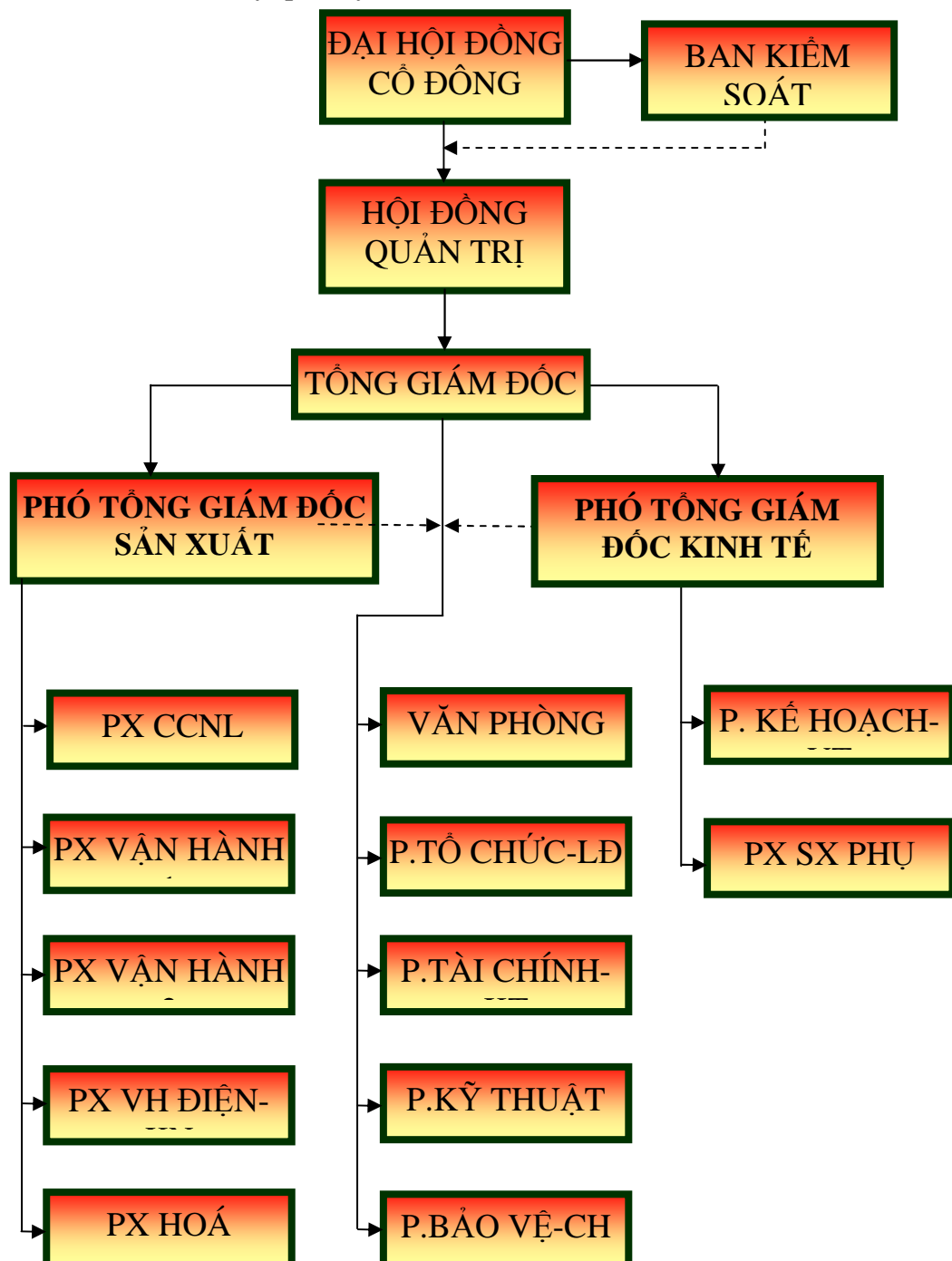
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ, nhiệt điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3 Các công ty con, Công ty liên kết

- Các công ty con: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
- + Địa chỉ: phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- + Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện.
- + Vốn điều lệ thực góp: 27.476.250.000 VND
- + Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc: 50%
- Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- + Địa chỉ: thị xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
- + Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- + Vốn điều lệ thực góp: 1.193.455.770.150 VND
- + Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: 21,49%

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 6,0 tỷ kWh trở lên;
- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;
- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia;
- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tham gia đầu tư góp vốn xây dựng các nhà máy điện theo định hướng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bộ Công thương;
- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông;

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và Cộng đồng của Công ty:

- Tiếp tục duy trì khai thác bán xỉ, tro bay và thạch cao để góp phần cải tạo môi trường và nâng cao lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.
- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

6. Các rủi ro

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban điều hành Công ty đã đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2012 đảm bảo sản xuất điện an toàn và kinh tế; Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả cao, tích cực triển khai kế hoạch góp vốn vào các nhà máy điện và các hoạt động khác. Năm 2012, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước bị khủng hoảng nặng nề. Nhu cầu sử dụng điện không căng thẳng như những năm trước, tình hình thủy văn có nhiều thuận lợi do đó EVN ưu tiên phát công suất cao tại các nguồn thủy điện và huy động phát công suất thấp các nhà máy nhiệt điện. Có thời điểm, Công ty chỉ phát điện một tổ máy. Năm 2012, Công ty sản xuất được 5 tỷ 427 triệu kWh đạt 93,21% so với kế hoạch năm, doanh thu từ sản xuất điện chỉ đạt 96,5% so với kế hoạch. Tuy nhiên, cùng với hoạt động tài chính có hiệu quả cao và lợi nhuận có được từ việc đánh giá lại khoản nợ vay có nguồn gốc ngoại tệ đã giúp cho Công ty có lợi nhuận trước thuế là 780,24 tỷ đồng.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011 (tỷ đồng)	Năm 2012 (tỷ đồng)	Tăng trưởng %
1.	Sản lượng điện sản xuất (kWh)	5.822,63	5.427,34	93,21
2.	Tổng tài sản	11.795,14	12.072,54	102,35
3.	Vốn chủ sở hữu	2.951,92	4.156,07	140,79
4.	Vốn điều lệ	3.262,35	3.262,35	100,00
5.	Doanh thu thuần	3.738,17	4.130,56	110,50
6.	Lợi nhuận trước thuế	9,68	780,24	8060,33
7.	Lợi nhuận sau thuế	7,80	513,22	6579,74

Kết thúc năm tài chính 2012, doanh thu của Công ty đạt 4.847,51 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ sản xuất điện vẫn chiếm tỷ trọng chính (83,91%), tiếp theo là doanh thu từ hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng 13,58%, doanh thu từ hoạt động khác chiếm 1,49% và doanh thu từ sản xuất khác chiếm 1,02% trong tổng doanh thu.

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

1. Ông Phạm Kim Lâm - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Khắc Sơn - Tổng Giám đốc
3. Ông Vũ Xuân Cường - Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Nguyễn Văn Thủy - Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Nguyễn Văn Thanh - Phó Tổng Giám đốc

1	Ông Phạm Kim Lâm	
❖	Chức danh	Tổng Giám đốc
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	26/12/1958
❖	Nơi sinh	Thanh Thủy, Thanh Hà, Hải Dương
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Địa chỉ thường trú	phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	141786765 cấp ngày 05/01/2006 tại Hải Dương
❖	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
❖	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
❖	Quá trình công tác:	
	05/1984 - 08/1993	Chuyên viên kế toán tổng hợp, Nhà máy

		Nhiệt điện Phả Lại
	09/1993 - 8/2004	Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tài vụ Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	9/2004 - 4/2008	Kế toán trưởng Công ty Nhiệt điện Phả Lại (Từ tháng 01/2006 là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại)
	17/4/2008 -8/12/2012	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	8/12/2012 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
❖	Số cổ phần nắm giữ	
	- Số cổ phần cá nhân sở hữu	105.840 cổ phần
	- Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Đại diện 40% Phần vốn NN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 66.556.758 CP. Từ 08/12/2012 đến nay là người đại diện 70% phần vốn NN này (tương đương 116.474.327 CP).
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
2	Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Chức vụ hiện tại	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đến 07/12/2013
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	09/11/1958
❖	Nơi sinh	Huyện Lục Ngạn, Bắc Giang
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Điện thoại	03203 881 335
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142350197 cấp ngày 4/5/2005 tại Hải Dương
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp
❖	Quá trình công tác:	
	12/1982 - 2/1999	Kỹ sư, Phó quản đốc Phân xưởng Điện, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	03/1999 - 3/2002	Trưởng Phòng kỹ thuật Ban quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2
	4/2002 - 12/2002	Phó trưởng Ban quản lý dự án Nhà máy Nhiệt

		điện Phả Lại 2
	01/2003 - 01/2006	Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phả Lại
	02/2006 - 04/2008	UV HĐQT- Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	17/4/2008 – 08/12/2012	UV HĐQT- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ:	
	- Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ	107.310 cổ phần
	- Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước	Đại diện 30% Phần vốn NN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (tương đương 49.917.569 CP) đến hết ngày 07/12/2012.
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
3	Ông Vũ Xuân Cường	
❖	Chức vụ	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	02/05/1952
❖	Nơi sinh	Văn Giang, Ninh Giang, Hải Dương
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	141130708 cấp ngày 5/5/2005 tại Hải Dương
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nhiệt điện
❖	Quá trình công tác:	
	01/1976 - 01/1980	Kỹ sư, Nhà máy phân đạm Hà Bắc
	02/1980 - 01/2006	Kỹ sư, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng kỹ thuật Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại.
	02/2006 - 4/2008	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	17/4/2008 – 31/5/2012	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. Đã nghỉ hưu từ 01/6/2012.
❖	Số cổ phần nắm giữ	6.050 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
4	Ông Nguyễn Văn Thanh	

❖	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	9/9/1959
❖	Nơi sinh	Minh Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142466044 cấp ngày 15/8/2005 tại Hải Dương
❖	Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị.
❖	Quá trình công tác:	
	01/1981 - 06/1984	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	07/1984 - 01/1986	Văn phòng Đoàn thanh niên, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	02/1986 - 12/1988	Phó trưởng phòng hành chính, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	01/1989 - 11/2000	Trưởng Ngành Đời sống Quản trị, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại.
	12/2000 - 10/2007	Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại)
	11/2007 - 04/2008	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	17/4/2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ	34.020 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
5	Ông Nguyễn Văn Thủy	
❖	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	26/6/1963
❖	Nơi sinh	Xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, T.Bắc Ninh
❖	Quốc tịch	Việt Nam

❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Phả Lại, TX Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142469226 cấp ngày 12/01/2006 tại CA Hải Dương
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Tự động hóa. Trình độ chính trị: Cao cấp
❖	Quá trình công tác:	
	4/1987 - 3/1992	Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại.
	4/1992 - 01/1995	Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Đại tu điện kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại
	02/1995 - 6/1999	Trưởng ca sản xuất NM Nhiệt điện Phả Lại
	7/1999 - 10/2001	Quản đốc phân xưởng Kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại
	11/2001 - 01/2006	Quản đốc phân xưởng Sửa chữa tự động - điều khiển NM Nhiệt điện Phả Lại
	02/2006 - 8/2010	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	9/2010 – 06/2012	Quản đốc phân xưởng Vận hành 1 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	07/2012 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ	15 CP
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

- Ngày 1/6/2012, ông Nguyễn Xuân Cường thôi đảm nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty (nghỉ hưu).

- 01/7/2012, ông Nguyễn Văn Thủy được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc sản xuất.

- Ngày 8 tháng 12 năm 2012 ông Nguyễn Khắc Sơn thôi đảm nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

- Trong thời gian ông Nguyễn Khắc Sơn thôi Tổng giám đốc Công ty, việc điều hành Công ty hằng ngày được giao cho ông Phạm Kim Lâm chủ tịch HĐQT phụ trách. Công ty đã tiến hành xin ý kiến Cổ đông bằng văn bản về việc phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc và kể từ ngày 15/12/2012 ông Phạm Kim Lâm - Chủ tịch HĐQT – chính thức kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

ĐỐI TƯỢNG	Tổng số CBNV đầu năm 2012	Số CBNV tăng trong năm	Số CBNV giảm trong năm	Tổng số CBNV cuối năm 2012
TỔNG SỐ	1.471	3	79	1.395
Ban TGD	4			4
Đoàn thể	4			4
Phòng Tổ chức	8			8
Phòng TCKT	14	1		15
Văn phòng	152	1	15	138
Phòng Kỹ thuật	27			27
Phòng KHVT	74		5	69
Phòng BVCH	74		1	73
PX Vận hành 1	266	1	19	248
PX Vận hành 2	343		10	333
Phân xưởng VHĐKN	143		7	136
Phân xưởng CCNL	259		11	248
Phân xưởng Hóa	62		4	58
Phân xưởng Phụ	41		7	34

2.4. Chế độ chính sách đối với người lao động:

a) Chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện việc xếp lương cho người lao động theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước. Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế trả lương cho người lao động và tổ chức thực hiện, đảm bảo công bằng theo mức độ đóng góp của NLĐ, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hoà các lợi ích của Công ty và người lao động.

Thu nhập bình quân NLĐ trong công ty năm 2012 là 12 triệu đồng/người/tháng.

b) Quản trị nguồn nhân lực :

Công ty luôn trú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bố trí luân chuyên và bổ nhiệm một số cán bộ chủ chốt; Thay thế thiết bị và công nghệ, tối ưu hóa việc phân công lao động trong dây chuyền sản xuất để ít phải bổ sung nhân lực khi NLĐ về hưu hoặc chuyển công tác; Luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; đào tạo đại học và sau đại học.

c) Chính sách khác: Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động luôn có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao...

Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi NLĐ được hưởng cao hơn so với luật như:

- + Được Công ty xem xét ưu tiên cho thuê nhà, nếu chưa có nhà để ở;
- + Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất, thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc xét cho nghỉ công tác để tham quan du lịch trong và ngoài nước;
- + Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. NLĐ được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ tết; được nghỉ không phải làm việc hưởng nguyên các chế độ 03 tháng trước khi về hưu.
- + Người lao động được Công ty mua bảo hiểm tai nạn con người, được trợ cấp thêm tối thiểu 15.000.000 đồng nếu không may bị chết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

a) Các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: Tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản tương đương tiền đến cuối năm 2012 là: 4.472,85 tỷ đồng, chi tiết như sau:

+ Đầu tư bằng hình thức tiền gửi 2.452,79 tỷ đồng

+ Đầu tư vào các tổ chức tín dụng, cho vay khác: 2.020,05 tỷ đồng .

Năm 2012, Công ty đã tính toán và tận dụng tối đa nguồn vốn nhà rỗi để uỷ thác đầu tư qua các tổ chức tài chính, các ngân hàng có lãi suất huy động cao, đảm bảo an toàn mang lại hiệu quả cao hơn so với năm 2011.

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Đến ngày 31/12/2012, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện đầu tư dài hạn bằng hình thức thực hiện hợp đồng góp, trong đó:

+ Góp vốn vào công ty con: Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc với tổng giá trị 27,48 tỷ đồng tương đương với 2.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 50% vốn điều lệ;

+ Góp vốn vào công ty liên kết:

Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng từ năm 2009 đến năm 2011 với tổng số tiền là: 1.193,46 tỷ đồng tương đương với **107.450.000** cổ phần chiếm tỷ lệ nắm giữ là 21,49% vốn điều lệ;

+ Đầu tư dài hạn khác:

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh từ năm 2009 đến năm 2010 với tổng số tiền là: 817,30 tỷ đồng tương đương với 73.587.291 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 16,35% vốn điều lệ;

Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế từ năm 2010 đến nay thực hiện được 30% giá trị hợp đồng góp vốn với tổng số tiền là: 70,8 tỷ đồng tương đương với 7.080.000 cổ phần.

Công ty đã hoàn thành hợp đồng góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn với tổng số tiền góp vốn là: 50,25 tỷ đồng tương đương với 5.025.000 cổ phần chiếm tỷ lệ nắm giữ là 15% vốn điều lệ;

Công ty đã hoàn thành hợp đồng góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam với tổng giá trị góp vốn là 100 tỷ đồng tương đương với 10.000.000 cổ phần chiếm tỷ lệ nắm giữ là 10% vốn điều lệ.

Từ năm 2010, Công ty cho EVN vay lại số tiền là 350 tỷ đồng. Khoản vay chưa đến thời hạn thanh toán gốc;

Năm 2007, Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) với tổng số cổ phiếu là 670.000 cổ phiếu tương đương 46,498 tỷ đồng. Đến 31/12/2011, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá là 44,56 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2012 giá cổ phiếu BTP là 6.100 đồng/cổ phiếu. Công ty đã hoàn nhập lại dự phòng giá trị là 2,144 tỷ đồng;

Công ty đầu tư 118,15 tỷ đồng vào trái phiếu của Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam với lãi suất cố định hàng năm là 10,2%/năm.

Đầu tư khác số tiền là 2,29 tỷ đồng.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

a) Các công ty con: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (NPS)

Với hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện. NPS đang là đơn vị chủ yếu thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị của Công ty. Năm 2012, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại thực hiện kế hoạch của mình sửa chữa nhiều hạng mục đã ký kết với NPS. Do vậy, đã góp phần tăng doanh thu cung cấp dịch vụ, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 của NPS như sau:

- Tổng Doanh thu:	216.273.212.182 đồng
Trong đó:	
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	214.328.532.518 đồng
+ Doanh thu hoạt động tài chính:	1.383.129.776 đồng
+ Thu nhập khác:	561.549.888 đồng
- Tổng chi phí:	
Trong đó:	193.754.911.538 đồng
+ Giá vốn hàng bán:	174.390.596.435 đồng
b) Lợi nhuận trước thuế:	22.518.300.644 đồng

a) Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng chính thức đưa vào vận hành các tổ máy số 1 và số 2 vào năm 2011. Toàn bộ sản lượng điện sản xuất ra Công ty đều bán cho Tập đoàn điện lực Việt Nam. Trong năm 2012 doanh thu công ty đạt được 3.688,32 tỷ đồng tăng 67% so với năm 2011. Do các tổ máy mới đi vào hoạt động do vậy chi phí phân bổ vào giá thành lớn. Giá vốn năm 2012 của Công ty là 2.057,06 tỷ đồng tăng 33% so với năm 2011. Trong những năm gần đây công ty có lợi nhuận không cao cụ thể năm 2011 Công ty không có lợi nhuận đến năm 2012 lợi nhuận Công ty đạt được là 42,69 tỷ đồng. Do công ty đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn vay ngoại tệ, bên cạnh đó do tỷ giá ngoại tệ hàng năm có sự biến động làm ảnh hưởng

đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2012, do biến động tỷ giá làm cho chi phí tài chính của công ty tăng thêm 1.871,02 tỷ đồng. Do lợi nhuận thấp công ty chưa thể chi trả cổ tức cho các cổ đông.

4. Tình Hình Tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
1.	Tổng giá trị tài sản	11.795,14	12.072,54	102,35
2.	Doanh thu thuần	3.738,17	4.130,56	110,50
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11,41	755,70	6.623,14
4.	Lợi nhuận khác	-1,72	40,23	
5.	Lợi nhuận trước thuế	9,68	780,24	8.060,33
6.	Lợi nhuận sau thuế	7,80	513,22	6.579,74
	- LN Sau thuế của cổ đông thiểu số	3,90	8,40	
	- LN Sau thuế của cổ đông của Công ty	3,90	504,82	
7.	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	Dự kiến 10%	

(Nguồn BCTC hợp nhất PPC đã kiểm toán năm 2011, 2012)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ (TSNH)/Nợ ngắn hạn	5,01	4,76	
	+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	4,4	4,19	
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,65	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,98	1,90	
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	4,81	4,97	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,32	0,34	
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,002	0,124	

	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,003	0,123	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0007	0,043	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,003	0,183	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 326.235.000 (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/3/2013 (Theo danh sách chốt cổ đông ngày 18/3/2013 do TTLKCK Việt Nam cung cấp – ngày chốt danh sách để đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013)

TT	Nội dung	Số nhà đầu tư	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu	11.312	326.235.000	100,00	
I.1	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	3	237.192.970	72,71	EVN, REE, MARKET VECTORS
I.2	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	11.309	89.042.030	27,29	
II	Phân loại theo chủ thể sở hữu				
II.1	Cá nhân	11.170	25.264.938	7,74	
II.2	Tổ chức	142	300.970.062	92,26	
II.3	Trong nước	10.480	282.223.391	86,51	
II.4	Nước ngoài	832	44.011.609	13,49	
II.5	Cổ đông nhà nước	1	166.391.896	51,00	
II.6	Cổ đông khác	11.311	159.843.104	49,00	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 326.235.000 (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/3/2013 (Theo danh sách chốt cổ đông ngày 18/3/2013 do TTLKCK Việt Nam cung cấp – ngày chốt danh sách để đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *Không*

e) Các chứng khoán khác: *Không*

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra, mặc dù Công ty năm 2012 sản xuất được 5 tỷ 427 triệu kWh chỉ đạt 93,21% so với kế hoạch do nhu cầu phụ tải thấp và EVN ưu tiên tối đa phát điện từ các nhà máy thủy điện phát công suất cao tại các nguồn thủy điện và huy động phát công suất thấp các nhà máy nhiệt điện. Tuy nhiên, cùng với hoạt động tài chính có hiệu quả cao và lợi nhuận có được từ việc đánh giá lại khoản nợ vay có nguồn gốc ngoại tệ đã giúp cho Công ty có lợi nhuận trước thuế là 780,24 tỷ đồng.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Sau CPH đến nay Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý hơn phù hợp với yêu cầu sản xuất-kinh doanh, gọn nhẹ và năng động hơn. Nhiệm vụ SXKD chủ yếu hiện nay là chuyên quản lý vận hành sản xuất điện.

+ Dẫn hoàn thiện các Quy chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 phiên bản 2010 vì vậy công tác quản lý của Công ty ngày càng đi vào nề nếp và có hiệu quả hơn.

+ Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng lên rõ rệt, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với Công ty.

- Các biện pháp kiểm soát

+ Duy trì công tác đánh giá nội bộ việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008;

+ Tăng cường công tác tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.

+ Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2012 tài sản của công ty có sự biến động cụ thể tổng tài sản đầu năm là 11.795,14 tỷ đồng cuối năm là 12.072,54 tỷ đồng tăng 227,4 tỷ đồng. Sự biến động đó làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Sự biến động của tài sản là do:

Đầu tư ngắn hạn tăng 634,15 tỷ đồng so với đầu năm 2012. Bên cạnh việc các khoản đầu tư tài chính tăng thì các khoản phải thu của khách hàng mà chủ yếu là từ

khoản thu từ khách hàng điệnlại tăng lên làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty do bị các đơn vị khác chiếm dụng vốn do vậy khả năng quay vòng vốn không cao cụ thể đầu năm là 957,05 tỷ đồng cuối năm là 1.365,39 tỷ đồng.

Hàng tồn kho tăng dẫn đến ứ đọng vốn và những ảnh hưởng của vật tư thiết bị ứ đọng, kém phẩm chất đã khiến Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho thêm 16,54 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn trong năm giảm do tài sản cố định trong năm giảm. Việc tài sản giảm do một số tài sản đã hết khấu hao, do cũ, lạc hậu lên thanh lý, việc giảm chi phí khấu hao tài sản làm cho chi phí trong năm giảm do vậy ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong năm. Đối với các khoản đầu tư dài hạn do công ty Góp vốn vào các công ty điện bên cạnh đó các công ty này do đang thi công và mới đi vào hoạt động do vậy chưa đem lại lợi nhuận cho các khoản đầu tư này vì vậy cũng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

b) Tình hình nợ phải trả

Đối với Công ty, nợ phải trả có ảnh hưởng và chịu tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đó chính là khoản vay JPY. Đây là khoản vay do Tập đoàn điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26/12/2006. Đến thời điểm 31/12/2012 Công ty còn nợ là: 28,78 tỷ JPY; Tỷ giá giữa VNĐ/JPY do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo tại ngày 31/12/2012 là 240,87 VNĐ/JPY

Mặc dù được vay với lãi suất thấp (lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của EVN là 0,2%/năm) nhưng những biến động của tỷ giá là khó kiểm soát, tạo khó khăn cho Công ty trong kế hoạch cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc nhiều vào tỷ giá này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2012, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng nhân viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận từ sản xuất điện; Góp vốn xây dựng các nhà máy điện, đầu tư tài chính,... mang lại hiệu quả cao.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Sau khi đã xem xét toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thống nhất đánh giá thực trạng công tác quản lý điều hành năm 2012 như sau:

- Công tác điều hành năng động, các mặt quản lý được nâng cao, an ninh được giữ vững; góp phần vào đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 ổn định, hiệu quả. Sản lượng điện sản xuất đạt: 5,823 tỷ kWh, đạt 93,2% so với kế hoạch; Doanh thu từ sản xuất điện: 4.067,3 tỷ đồng, đạt 96,55% so với kế hoạch (*Tỷ lệ Điện sản xuất và Doanh thu từ SX Điện chưa đạt Kế hoạch ĐHCĐ 2012 giao vì Hệ thống lưới điện Quốc gia huy động thấp*); Doanh thu hoạt động tài chính: 659,56 tỷ đồng, đạt 146,00 % so với kế hoạch; Tổng doanh thu 4.799,238 tỷ đồng đạt 102,7% so với kế hoạch; Tổng lợi nhuận trước thuế: 776,15 tỷ đồng, đạt 179,8%.

- Công tác sửa chữa Tổ máy 2 chưa kịp đúng tiến độ song do yếu tố khách quan là một phần (*khối lượng công việc chưa được dự liệu hết, chuyên gia nước ngoài*)

- Công tác chuẩn bị triển khai công việc đại tu tổ máy 6 của Dây chuyên 2 đã sẵn sàng, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả để đảm bảo việc sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Công tác đầu tư tài chính linh hoạt, cố gắng nhiều nên Doanh thu tài chính năm 2012 là tốt;

- Lưu ý giám sát việc xuất nhập hàng hoá, vật tư thiết bị, tránh để tình trạng làm gia tăng giá trị của kho; xây dựng danh mục các vật tư thiết bị là hàng dự phòng chiến lược.

- Lưu ý việc khai thác các sản phẩm phụ (tro xỉ, thạch cao) đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;

- Ban điều hành cần chủ động trong thời gian tới về vấn đề nhân lực (đặc biệt là người lao động của Dây chuyên 1).

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững, từng bước mở rộng hoạt động và kinh doanh có lãi. Ban Tổng Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược sản xuất kinh doanh trước mọi diễn biến của thị trường.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị sẽ bám sát và chỉ đạo để Ban điều hành thực hiện một số vấn đề trọng tâm như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật vượt mức kế hoạch được giao;

- Phân đấu tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó góp phần làm tăng doanh thu sản xuất điện;

- Sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

- Ông **Phạm Kim Lâm** - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông **Nguyễn Khắc Sơn** - Thành viên Hội đồng Quản trị
- Ông **Nguyễn Việt Hà** - Thành viên Hội đồng Quản trị
- Ông **Hoàng Mạnh Hải** - Thành viên Hội đồng Quản trị
- Ông **Nguyễn Hữu Hằng** - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
I	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành		
1.	Ông. Hoàng Mạnh Hải	0	Phó Tổng Giám đốc, công ty Tài chính cổ phần điện lực.
2.	Ông. Nguyễn Việt Hà	0	Giám đốc Ban đầu tư - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí
II	Thành viên Hội đồng quản trị khác		
1.	Ông. Phạm Kim Lâm	105.840	
2.	Ông. Nguyễn Khắc Sơn	107.310	
3.	Ông. Nguyễn Hữu Hằng	0	CTHĐQT Công ty Cổ phần dịch vụ Sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Năm 2012, Ông Nguyễn Khắc Sơn thành viên HĐQT đồng thời làm Tổng Giám đốc điều hành nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cho HĐQT có nhiều thuận lợi. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc cũng được thực hiện qua Báo cáo hoạt động của TGD gửi các thành viên HĐQT hàng tháng.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
-----	---------------	------	----------

1.	58/NQ-PPC-HĐQT	20/4/2012	Đề cử bà Đinh Thị Diễm Quỳnh, chuyên viên phòng TCKT ứng cử là thành viên Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần phát triển điện Việt Nam (VNDP); Đề cử ông Nguyễn Văn Thịnh, người đại diện phần vốn của PPC tại VNDP ứng cử là thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần phát triển điện Việt Nam.
2.	59/NQ-PPC-HĐQT	11/6/2012	phê duyệt Biên bản thoả thuận chậm thanh toán tiền điện với Công ty mua bán điện; Chuyển cổ tức bằng tiền năm 2011 tại Công ty CP phát triển điện lực Việt Nam (VNDP) thành cổ phiếu của VNDP.
3.	60/NQ-PPC-HĐQT	27/6/2012	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Thủy là Quản đốc phân xưởng Vận hành 1 làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất từ ngày 01/7/2012; Thời hạn 05 năm.
4.	61/NQ-PPC-HĐQT	07/11/2012	- Quyết định chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến về việc: Chủ tịch HĐQT tạm thời kiêm Tổng Giám đốc là ngày 23/11/2012.
5.	62/NQ-PPC-HĐQT	07/12/1012	- Ông Nguyễn Khắc Sơn thôi giữ chức thành viên HĐQT, thôi giữ chức Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 8/12/2012; - Ông Phạm Kim Lâm - Chủ tịch HĐQT được giao điều hành Công ty cho đến hết ngày 13/12/2012 và trong thời gian Công ty đang chờ ý kiến cổ đông.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có 02 thành viên độc lập là ông Hoàng Mạnh Hải, Nguyễn Việt Hà. Ông Hoàng Mạnh Hải – phó Tổng Giám đốc, Công ty Tài chính Cổ phần điện lực có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, tiền tệ. Ông Nguyễn Việt Hà - Giám đốc Ban đầu tư - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực Đầu tư, tài chính, tiền tệ. Các thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

f) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia khóa học về Quản trị Doanh Nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát: gồm 3 thành viên

- 1-Bà **Đoàn Thị Dung** - Trưởng Ban Kiểm soát.
- 2-Bà **Hoàng Thị Viện** - Thành viên Ban Kiểm soát.
- 3-Bà **Trịnh Thị Tuyết** - Thành viên Ban Kiểm soát.

b) Các thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Danh sách	cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1.	Bà Đoàn Thị Dung	5.000	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn điện lực Việt Nam.
2.	Bà Hoàng Thị Viện	5.780	Chuyên viên kinh tế Phòng Tài chính kế toán, CTy CP Nhiệt điện Phả Lại.
3.	Bà Trịnh Thị Tuyết	28.005	Chuyên viên kinh tế phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

c) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 123- Luật doanh nghiệp năm 2005 và Điều 37 - Điều lệ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả lại;

- Ban Kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, việc thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2012 của Ban lãnh đạo Công ty, việc tuân thủ điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty;

- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2012;

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

a) Thù lao của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2012:

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty; tiền thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty năm 2012 cụ thể như sau :

Đơn vị tính : nghìn đồng

ST T	Họ và Tên	Chức danh	Số tiền 1 tháng theo KH	Tổng tiền lương/ thù lao thực lĩnh năm 2012	Ghi chú
I	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc				
1.	Phạm Kim Lâm	Chủ tịch HĐQT	47.900	639.059	
2.	Nguyễn Khắc Sơn	Tổng Giám đốc	38.425	512.644	
II	Tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS				
1.	Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên HĐQT	6.000	72.000	
2.	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	6.000	72.000	
3.	Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	6.000	72.000	
4.	Nguyễn Hữu Hằng	Thành viên HĐQT	6.000	72.000	
5.	Đoàn Thị Dung	Thành viên BKS	5.000	60.000	
6.	Hoàng Thị Viện	Thành viên BKS	5.000	60.000	
7.	Trịnh Thị Tuyết	Thành viên BKS	5.000	60.000	
	Tổng cộng :			1.619.703	

b) Giao dịch Cổ phiếu cổ đông nội bộ

- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (người có liên quan là ông Nguyễn Việt Hà – thành viên HĐQT PPC):

+ Ngày 13/4/2012, mua 2.000.000 cổ phần;

+ Ngày 13/6/2012 mua 383.270 CP kết thúc ngày 13/6/2012. Sau giao dịch tổng số cổ phần là 7.339.700 CP (chiếm 2,25%/VĐL);

+ Từ ngày 19/6/2012 - 18/7/2012: mua 392.000 CP; Sau giao dịch tổng số cổ phần là 7.731.700 CP (chiếm 2,37%/VĐL);

+ Từ ngày 27/7/2012 - 27/8/2012 mua 65.000 CP, sau giao dịch là 7.796.700 CP (chiếm 2,39%/VĐL);

+ Từ ngày 04/9/2012 - 04/10/2012 mua 15.000 CP, sau giao dịch là 7.811.700 CP (chiếm 2,395%/VĐL).

- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực Việt Nam (người có liên quan là ông Hoàng Mạnh Hải - Thành viên HĐQT PPC):

+ Từ ngày 09/3/2012 đến 09/5/2012, thực hiện mua 363.450 cổ phần, bán 1.558.530 cổ phần. Sau giao dịch tổng số cổ phần là 38.222.430 CP (11,72%);

- + Ngày 24/12/2012 bán 21.911.430 CP, sau giao dịch tổng số Cổ phần là 16.311.000 CP (chiếm 5%/VĐL).
- Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh (REE) (là cổ đông lớn):
 - + Ngày 22/8/2012, mua 45.180CP chuyển số CP đang sở hữu từ 16.272.580 CP lên 16.317.760 CP (5,002%/VĐL) trở thành cổ đông lớn
 - + 21/9/2012 mua 4.762.870 CP, sau giao dịch là 21.080.630 CP (chiếm 6,462%/VĐL);
 - + Ngày 28/9/2012 mua 4.978.650 CP, sau giao dịch là 26.059.280 CP (chiếm 7,988%/VĐL);
 - + Ngày 05/10/2012 mua 3.610.080 CP, sau giao dịch là 29.669.360 CP (chiếm 9,094%/VĐL);
 - + Ngày 26/11/2012 mua 3.463.900 CP, sau giao dịch là 33.133.260 CP (chiếm 10,156%/VĐL);
 - + Ngày 24/12/2012 mua 20.598.490 CP, sau giao dịch là 53.731.750CP (chiếm 16,89%/VĐL).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hội đồng Quản trị Công ty trong những năm qua đã hoàn thành tốt trách nhiệm theo quy định trong Điều lệ của Công ty và pháp luật của Nhà nước.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý Kiến kiểm toán

Số: 650 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 19 tháng 3 năm 2013, từ trang 5 đến trang 32. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, trong năm, Công ty đã không áp dụng hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 19 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mai Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV



2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán bao gồm:

- Báo cáo của Ban Giám đốc;
- Báo cáo Kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Báo cáo Kết quả Hoạt động sản xuất Kinh doanh hợp nhất;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

(Chi tiết theo báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHCM;
- <http://www.ppc.evn.vn>;
- Lưu VT, KHVT.



Phạm Kim Lâm



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2012)
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hằng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Kim Lâm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2012)
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2012)
Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2012)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Kim Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

Số: 650 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 19 tháng 3 năm 2013, từ trang 5 đến trang 32. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, trong năm, Công ty đã không áp dụng hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 19 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'VH', written over a horizontal line.

Vũ Mai Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.640.574.778.843	5.698.246.415.707
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.006.797.429.788	1.182.518.046.893
1. Tiền	111		14.397.429.788	1.680.046.893
2. Các khoản tương đương tiền	112		992.400.000.000	1.180.838.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.466.051.965.073	2.831.901.965.073
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.466.051.965.073	2.831.901.965.073
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.365.390.021.451	957.052.480.506
1. Phải thu khách hàng	131	7	1.245.715.489.317	909.092.142.759
2. Trả trước cho người bán	132		62.214.658.719	47.530.596.404
3. Các khoản phải thu khác	135	8	59.232.196.047	429.741.343
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.772.322.632)	-
IV. Hàng tồn kho	140	9	785.027.831.691	689.442.173.506
1. Hàng tồn kho	141		945.160.124.383	833.030.935.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(160.132.292.692)	(143.588.761.918)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.307.530.840	37.331.749.729
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.614.785	2.973.692
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		16.955.769.716	35.817.827.558
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		349.146.339	1.510.948.479
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		5.431.961.943.277	6.096.888.950.543
I. Tài sản cố định	220		2.560.146.929.339	3.127.999.560.393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.105.496.035.177	2.792.562.187.005
- Nguyên giá	222		13.319.249.952.185	13.336.120.732.787
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.213.753.917.008)	(10.543.558.545.782)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.209.719.306	26.963.601.521
- Nguyên giá	228		57.811.572.096	57.671.104.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.601.852.790)	(30.707.502.709)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	433.441.174.856	308.473.771.867
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.690.648.447.259	2.664.188.930.641
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	1.177.771.286.768	1.193.455.770.150
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	1.555.288.160.491	1.515.288.160.491
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(42.411.000.000)	(44.555.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		181.166.566.679	304.700.459.509
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.089.602.963	12.905.519.983
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	175.076.963.716	291.794.939.526
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		12.072.536.722.120	11.795.135.366.250

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		7.881.288.964.294	8.814.396.373.421
I. Nợ ngắn hạn	310		1.396.403.046.758	1.136.325.160.163
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	447.233.514.089	495.304.569.014
2. Phải trả người bán	312		202.967.931.171	189.970.453.154
3. Người mua trả tiền trước	313		1.756.892.116	2.167.686.854
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	156.909.348.527	17.742.792.161
5. Phải trả người lao động	315		86.545.557.484	46.916.501.915
6. Chi phí phải trả	316	19	492.757.976.494	372.371.064.061
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		5.202.177.856	8.292.949.859
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.029.649.021	3.559.143.145
II. Nợ dài hạn	330		6.484.885.917.536	7.678.071.213.258
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	6.484.885.917.536	7.677.220.819.945
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	850.393.313
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		4.156.071.272.037	2.951.917.723.614
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.156.071.272.037	2.951.917.723.614
1. Vốn điều lệ	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		155.099.300.459	149.746.010.040
3. Cổ phiếu quỹ	414		(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(717.705.848.290)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		263.971.237.362	268.720.716.781
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		82.781.058.500	82.500.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		517.472.404.565	31.909.573.932
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		35.176.485.789	28.821.269.215
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		12.072.536.722.120	11.795.135.366.250

CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
1. Nợ khó đòi đã xử lý	107.261.329	107.261.329




Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu

Ngày 19 tháng 3 năm 2013



Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng




 Phạm Kim Lâm
 Tổng Giám đốc


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	4.130.557.827.173	3.738.172.128.116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4.130.557.827.173	3.738.172.128.116
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	3.666.402.548.504	3.261.869.967.453
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		464.155.278.669	476.302.160.663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	658.193.920.825	461.438.051.020
7. Chi phí tài chính	22	27	269.433.582.790	842.378.360.409
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		206.288.239.379	232.659.740.923
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		97.219.222.549	83.952.172.983
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		755.696.394.155	11.409.678.291
10. Thu nhập khác	31		49.580.066.481	8.167.003.681
11. Chi phí khác	32		9.354.466.094	9.891.848.671
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		40.225.600.387	(1.724.844.990)
13. (Lỗ) trong công ty liên kết	45	28	(15.684.483.382)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		780.237.511.160	9.684.833.301
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	150.301.925.643	1.888.852.648
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	116.717.975.810	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		513.217.609.707	7.795.980.653
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		8.399.809.748	3.897.990.327
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	62		504.817.799.959	3.897.990.327
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.587	12


 Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu


 Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng


 Phạm Kim Lâm
 Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2013



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	780.237.511.160	9.684.833.301
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	693.114.625.676	694.662.966.422
- Các khoản dự phòng	03	16.171.853.406	9.900.607.495
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(103.874.756.847)	544.201.187.100
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(553.568.975.213)	(459.785.232.906)
- Chi phí lãi vay	06	206.288.239.379	232.659.740.923
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.038.368.497.561	1.031.324.102.335
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(415.015.128.614)	213.869.660.852
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(112.129.188.959)	(27.718.442.237)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	428.247.858.716	168.591.659.492
- Thay đổi chi phí trả trước	12	6.815.917.020	(11.157.477.258)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(215.778.839.379)	(199.853.084.743)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(947.941.557)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	69.571.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(18.194.187.124)	(3.239.797.828)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	712.314.929.221	1.170.938.250.056
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(383.129.314.089)	(175.768.018.566)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	248.000.000	1.834.291.099
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.709.920.000.000)	(3.412.154.830.591)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.075.770.000.000	2.742.961.750.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40.000.000.000)	(461.048.270.150)
6. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	579.105.738.967	398.541.311.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(477.925.575.122)	(905.633.766.431)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(34.736.002.028)
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(407.359.971.204)	(418.825.354.710)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(2.750.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(410.109.971.204)	(453.561.356.738)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(175.720.617.105)	(188.256.873.113)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.182.518.046.893	1.370.774.920.006
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.006.797.429.788	1.182.518.046.893

Nguyễn Quang Huy
 Người lập biểu

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Kim Lâm
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam. Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ năm số 0800296853 ngày 18 tháng 12 năm 2012, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính đặt tại thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.395 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.470).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Hoạt động chính của công ty con là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay; cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo; vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp; xây lắp sửa chữa kỹ thuật công trình giao thông; thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng; kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ngoại trừ việc cho phép Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Quy định này tại Thông tư 179 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) - “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết.

Khi bán công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong năm cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm và giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" đồng thời với khoản mục "Chi phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã không áp dụng hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ngoại trừ việc cho phép Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản công nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201.

Trong năm 2012, Công ty thực hiện phân bổ toàn bộ chênh lệch tỷ giá tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 với số tiền là 717.705.848.290 VND vào kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
 Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo các quy định hiện hành về ưu đãi miễn giảm thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm thứ hai Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền bắc có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	100.621.330	150.413.715
Tiền gửi ngân hàng	14.296.808.458	1.529.633.178
Các khoản tương đương tiền (i)	992.400.000.000	1.180.838.000.000
	1.006.797.429.788	1.182.518.046.893

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.446.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (ii)	2.020.051.965.073	2.771.901.965.073
	3.466.051.965.073	2.831.901.965.073

- (i) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.
- (ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác bao gồm khoản ủy thác đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (BVFMC) và khoản tiền Tập đoàn Điện lực Việt Nam huy động vốn từ Công ty.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu tiền điện (i)	1.091.595.212.489	732.504.499.886
Dự thu lãi tiền gửi, đầu tư tài chính	133.547.910.075	158.336.926.135
Phải thu khách hàng khác	20.572.366.753	18.250.716.738
	1.245.715.489.317	909.092.142.759
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.772.322.632)	-
	1.243.943.166.685	909.092.142.759

- (i) Ngày 12 tháng 6 năm 2012, Công ty ký Biên bản thỏa thuận về việc chậm thanh toán tiền điện với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC"), theo đó tiền điện phải thu từ Công ty Mua bán điện được thanh toán chậm hơn so với lịch thanh toán trong hợp đồng mua bán điện.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	58.640.804.046	-
Phải thu khác	591.392.001	429.741.343
	59.232.196.047	429.741.343

- (i) Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến điều chỉnh quyết toán dây chuyền số 2 Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang trên đường	20.545.432	-
Nguyên liệu, vật liệu	938.963.672.979	826.960.948.152
Công cụ, dụng cụ	6.149.415.090	5.867.157.714
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.490.882	6.000.000
Thành phẩm	-	196.829.558
	945.160.124.383	833.030.935.424
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(160.132.292.692)	(143.588.761.918)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	785.027.831.691	689.442.173.506

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 16.543.530.774 VND (năm 2011: 5.411.607.495 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HIN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	1.716.374.782.633	11.505.101.873.010	70.920.079.488	40.670.500.592	3.053.497.064	13.336.120.732.787
Tăng trong năm	2.540.808.706	38.082.348.037	15.339.607.465	7.196.532.684	18.636.364	63.177.933.256
Mua sắm mới	2.226.228.574	8.743.167.636	28.224.000	4.478.191.593	18.636.364	15.494.448.167
Tặng khác	314.580.132	29.339.180.401	15.311.383.465	2.718.341.091	-	47.683.485.089
Giảm trong năm	9.748.380.974	68.081.423.004	1.627.381.612	571.978.268	19.550.000	80.048.713.858
Thanh lý, nhượng bán	-	117.258.800	1.627.381.612	571.978.268	19.550.000	2.336.168.680
Giảm khác (i)	9.748.380.974	67.964.164.204	-	-	-	77.712.545.178
Tại ngày 31/12/2012	1.709.167.210.365	11.475.102.798.043	84.632.305.341	47.295.055.008	3.052.583.428	13.319.249.952.185
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	1.209.140.212.227	9.257.792.302.563	40.722.115.240	34.364.671.265	1.539.244.487	10.543.558.545.782
Tăng trong năm	47.504.512.031	629.779.246.585	20.323.833.171	6.177.551.835	367.771.406	704.152.915.028
Trích khấu hao	47.135.738.530	629.779.246.585	5.645.387.173	4.292.131.901	367.771.406	687.220.275.595
Tặng khác	368.773.501	-	14.678.445.998	1.885.419.934	-	16.932.639.433
Giảm trong năm	2.476.568.563	29.326.697.682	1.570.134.382	564.593.175	19.550.000	33.957.543.802
Thanh lý, nhượng bán	-	111.676.073	1.570.134.382	564.593.175	19.550.000	2.265.953.630
Giảm khác (i)	2.476.568.563	29.215.021.609	-	-	-	31.691.590.172
Tại ngày 31/12/2012	1.254.168.155.695	9.858.244.851.466	59.475.814.029	39.977.629.925	1.887.465.893	11.213.753.917.008
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	454.999.054.670	1.616.857.946.577	25.156.491.312	7.317.425.083	1.165.117.535	2.105.496.035.177
Tại ngày 31/12/2011	507.234.570.406	2.247.309.570.447	30.197.964.248	6.305.829.327	1.514.252.577	2.792.562.187.005

(i): Bao gồm giảm khác theo Biên bản điều chỉnh quyết toán đầy đủ chuyên 2 Nhà máy điện Phả Lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với giá trị là 4.569.432.420.490 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.551.817.413.487 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị: VND</i>		
	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	57.274.433.766	396.670.464	57.671.104.230
Tăng trong năm	140.467.866	-	140.467.866
Tại ngày 31/12/2012	57.414.901.632	396.670.464	57.811.572.096
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	30.469.483.786	238.018.923	30.707.502.709
Trích khấu hao	5.778.467.473	115.882.608	5.894.350.081
Tại ngày 31/12/2012	36.247.951.259	353.901.531	36.601.852.790
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	21.166.950.373	42.768.933	21.209.719.306
Tại ngày 31/12/2011	26.804.949.980	158.651.541	26.963.601.521

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	432.547.662.803	307.068.401.622
Xây dựng cơ bản khác	893.512.053	1.405.370.245
	<u>433.441.174.856</u>	<u>308.473.771.867</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
		%	%	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Hải Dương	50	60	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Giá gốc khoản đầu tư	1.193.455.770.150	1.193.455.770.150
Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(15.684.483.382)	-
	<u>1.177.771.286.768</u>	<u>1.193.455.770.150</u>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
		%	%	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	21,49	21,49	Sản xuất điện

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng tài sản	20.017.678.488.464	17.700.619.236.342
Tổng công nợ	15.578.212.762.253	13.303.845.073.011
Tài sản thuần	4.439.465.726.211	4.396.774.163.331
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	954.041.184.563	944.866.767.700
	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu	3.688.315.459.650	683.325.938.837
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần	42.691.562.880	(5.403.842.132)
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	9.174.416.863	(1.161.285.674)

Lợi thế thương mại phát sinh từ mua công ty liên kết:

	VND
Tại ngày 01/01/2012	248.589.002.450
Phân bổ trong năm	24.858.900.245
Tại ngày 31/12/2012	223.730.102.205

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay (i)	350.000.000.000	350.000.000.000
Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	118.151.962.500	118.151.962.500
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iii)	817.295.117.400	817.295.117.400
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii)	70.800.000.000	70.800.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	100.000.000.000	60.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (iii)	50.250.000.000	50.250.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
Đầu tư khác	2.293.080.591	2.293.080.591
	1.555.288.160.491	1.515.288.160.491
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(42.411.000.000)	(44.555.000.000)
	1.512.877.160.491	1.470.733.160.491

- (i) **Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay:** Công ty cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu. Hợp đồng có thời hạn 15 năm và số tiền cho vay được hình thành do bù trừ khoản phải thu của Công ty với Công ty Mua bán điện.
- (ii) **Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:** Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với số tiền là 117.975.000.000 VND với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 5 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

(iii) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16,35%, 15%, 10% và 19,30%. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế chưa được góp đủ như kế hoạch nhưng chưa có gia hạn góp vốn.

(iv) **Đầu tư chứng khoán khác:** là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện việc đánh giá thận trọng các khoản đầu tư dài hạn này và tin tưởng rằng không cần trích lập dự phòng giảm giá, ngoại trừ khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	291.794.939.526	34.544.288.606	326.339.228.132
Điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	(34.544.288.606)	(34.544.288.606)
Tại ngày 31/12/2011	291.794.939.526	-	291.794.939.526
Tăng chi phí trong năm	(116.717.975.810)	-	(116.717.975.810)
Tại ngày 31/12/2012	175.076.963.716	-	175.076.963.716

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	447.233.514.089	495.304.569.014
	447.233.514.089	495.304.569.014

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.579.536.143	7.219.283.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp	148.206.059.673	1.889.077.171
Thuế thu nhập cá nhân	221.983.600	269.234.316
Các loại thuế khác	901.769.111	8.365.196.741
	156.909.348.527	17.742.792.161

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả	53.029.400.000	62.520.000.000
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	432.547.662.803	307.068.401.622
Các khoản khác	7.180.913.691	2.782.662.439
	492.757.976.494	372.371.064.061

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012		31/12/2011	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	28.779.505.248	6.932.119.431.625	30.636.247.522	8.172.525.388.959
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(447.233.514.089)	(1.856.742.274)	(495.304.569.014)
Số dư vay dài hạn	26.922.762.974	6.484.885.917.536	28.779.505.248	7.677.220.819.945

Khoản vay trên được thực hiện bằng Yên Nhật Bản (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 1.124.639.158 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 3 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 3 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,43%/năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÀ LẠI

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)***Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:*

	31/12/2012		31/12/2011	
	JPY	VND tương đương	JPY	VND tương đương
Trong vòng một năm	1.856.742.274	447.233.514.089	1.856.742.274	495.304.569.014
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	447.233.514.089	1.856.742.274	495.304.569.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.341.700.542.268	5.570.226.822	1.485.913.707.037
Sau năm năm	19.495.793.878	4.695.951.861.179	21.352.536.152	5.696.002.543.894
	28.779.505.248	6.932.119.431.625	30.636.247.522	8.172.525.388.959
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(447.233.514.089)	(1.856.742.274)	(495.304.569.014)
Số phải trả dài hạn	26.922.762.974	6.484.885.917.536	28.779.505.248	7.677.220.819.945

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHÁ LẠI

Phường Phá Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	3.262.350.000.000	108.544.202.558	(90.866.726.821)	-	309.922.524.263	82.500.000.000	55.296.954.984
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	3.897.990.326
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(34.736.002.028)	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(1.250.000.000)
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	-	(717.705.848.290)	-	-	-
Chuyển các quỹ trong năm	-	(41.201.807.482)	-	-	(41.201.807.482)	-	-
Điều chỉnh theo Kiểm toán	-	-	-	-	-	-	(29.807.906.920)
Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	3.772.535.542
Số dư tại ngày 01/01/2012	3.262.350.000.000	149.746.010.040	(125.602.728.849)	(717.705.848.290)	268.720.716.781	82.500.000.000	31.909.573.932
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	504.817.799.959
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	603.811.000	281.058.500	(5.254.969.326)
Chênh lệch tỷ giá trong năm (i)	-	-	-	717.705.848.290	-	-	-
Chuyển các quỹ trong năm (ii)	-	5.353.290.419	-	-	(5.353.290.419)	-	(14.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	3.262.350.000.000	155.099.300.459	(125.602.728.849)	-	263.971.237.362	82.781.058.500	517.472.404.565

(i) Công ty thực hiện phân bổ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tỷ giá đầu kỳ vào chi phí tài chính trong năm với số tiền là 717.705.848.290 VND

(ii) Công ty thực hiện phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 56 ngày 07 tháng 3 năm 2012 với số tiền là 14.000.000.000 VND.
Khoản phân phối này sẽ được điều chỉnh theo số chính thức được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	326.235.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	8.080.386
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	318.154.614
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ năm ngày 18 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ.

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Công ty có trụ sở chính và hoạt động tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Theo đó, toàn bộ Công ty được coi là một bộ phận lập báo cáo tài chính.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012	2011
	VND	VND
Hoạt động sản xuất điện	4.067.347.558.838	3.712.504.992.434
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.064.421.376.542	3.710.025.532.005
Điện tự dùng	2.926.182.296	2.479.460.429
Hoạt động khác	63.210.268.335	25.667.135.682
Doanh thu hoạt động khác	63.210.268.335	25.667.135.682
	4.130.557.827.173	3.738.172.128.116

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2012 VND	2011 VND
Hoạt động sản xuất điện	3.657.910.118.700	3.260.703.045.799
Chi phí than, dầu	2.106.528.855.021	1.855.165.766.718
Chi phí khấu hao	672.849.720.927	692.816.634.654
Chi phí sửa chữa lớn	477.416.901.781	375.380.749.423
Chi phí sửa chữa thường xuyên	160.626.281.808	132.686.919.932
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	216.190.309.999	185.697.079.379
Chi phí phụ liệu	8.487.087.859	18.092.769.482
Chi phí khác	15.810.961.305	863.126.211
Hoạt động khác	8.492.429.804	1.166.921.654
	3.666.402.548.504	3.261.869.967.453

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.346.554.571.010	2.185.525.904.701
Chi phí nhân công	394.619.329.750	297.335.992.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	690.414.440.388	691.378.157.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.036.426.217	71.303.299.019
Chi phí khác	166.800.174.130	100.332.514.859
	3.763.424.941.495	3.345.875.868.346

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	477.240.145.469	350.243.449.819
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	77.076.577.438	111.012.513.166
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.441.071	182.088.035
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại	103.874.756.847	-
	658.193.920.825	461.438.051.020

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, lãi thuần chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của Công ty là 103.874.756.847 VND (31 tháng 12 năm 2011: lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện là 171.705.848.290 VND ghi nhận trên chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái phần Vốn chủ sở hữu).

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền vay	206.288.239.379	232.659.740.923
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	65.091.213.517	60.362.691.329
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	544.621.978.662
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(2.144.000.000)	4.489.000.000
Chi phí tài chính khác	198.129.894	244.949.495
	269.433.582.790	842.378.360.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT

	2012	2011
	VND	VND
Phân bổ lợi thế thương mại	(24.858.900.245)	-
Lợi nhuận từ khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	9.174.416.863	-
	(15.684.483.382)	-

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	780.237.511.160	9.684.833.301
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	17.615.153.226	3.727.407.152
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(154.336.521)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.085.006.365	3.727.407.152
Lỗ từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	15.684.483.382	-
Thu nhập chịu thuế	797.852.664.386	13.412.240.453
Trong đó		
Thu nhập từ hoạt động chính	280.921.374.020	11.713.659.722
Thu nhập từ hoạt động khác	516.931.290.366	1.698.580.731
<i>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	7,5%	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	-	12,5%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	150.301.925.643	1.888.852.648
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (i)	116.717.975.810	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	267.019.901.453	1.888.852.648

(i) Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước trong Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	504.817.799.959	3.897.990.327
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	318.154.614	318.154.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.587	12

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.006.797.429.788	1.182.518.046.893
Nợ thuần	5.925.322.001.837	6.990.007.342.066
Vốn chủ sở hữu	4.156.071.272.037	2.951.917.723.614
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,43	2,37

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.006.797.429.788	1.182.518.046.893
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.303.175.362.732	909.521.884.102
Đầu tư ngắn hạn	3.466.051.965.073	2.831.901.965.073
Đầu tư dài hạn khác	1.512.877.160.491	1.470.733.160.491
Tổng cộng	7.288.901.918.084	6.394.675.056.559
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959
Phải trả người bán và phải trả khác	208.170.109.027	198.263.403.013
Chi phí phải trả	59.316.801.638	63.897.292.194
Tổng cộng	7.199.606.342.290	8.434.686.084.166

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm/cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Yên Nhật Bản (JPY)	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Công ty thực hiện phân tích độ nhạy đối với đồng Yên Nhật Bản trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với đồng tiền này. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu Yên Nhật Bản tăng/giảm 10% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp/cao hơn một khoản là 693.211.942.884 đồng Việt Nam do lỗ/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng Yên Nhật Bản.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 33.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.006.797.429.788	-	-	1.006.797.429.788
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.303.175.362.732	-	-	1.303.175.362.732
Đầu tư ngắn hạn	3.466.051.965.073	-	-	3.466.051.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.466.379.160.491	1.512.877.160.491
Tổng cộng	5.776.024.757.593	46.498.000.000	1.466.379.160.491	7.288.901.918.084
31/12/2012				
Các khoản vay	447.233.514.089	1.788.934.056.357	4.695.951.861.179	6.932.119.431.625
Phải trả người bán và phải trả khác	208.170.109.027	-	-	208.170.109.027
Chi phí phải trả	59.316.801.638	-	-	59.316.801.638
Tổng cộng	714.720.424.754	1.788.934.056.357	4.695.951.861.179	7.199.606.342.290
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.061.304.332.839	(1.742.436.056.357)	(3.229.572.700.688)	89.295.575.794

HAI Y T E M

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠIPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.182.518.046.893	-	-	1.182.518.046.893
Phải thu khách hàng và phải thu khác	909.521.884.102	-	-	909.521.884.102
Đầu tư ngắn hạn	2.831.901.965.073	-	-	2.831.901.965.073
Đầu tư dài hạn khác	-	46.498.000.000	1.424.235.160.491	1.470.733.160.491
Tổng cộng	4.923.941.896.068	46.498.000.000	1.424.235.160.491	6.394.675.056.559
31/12/2011				
Các khoản vay	495.304.569.014	1.981.218.276.051	5.696.002.543.894	8.172.525.388.959
Phải trả người bán và phải trả khác	198.263.403.013	-	-	198.263.403.013
Chi phí phải trả	63.897.292.194	-	-	63.897.292.194
Tổng cộng	757.465.264.221	1.981.218.276.051	5.696.002.543.894	8.434.686.084.166
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.166.476.631.847	(1.934.720.276.051)	(4.271.767.383.403)	(2.040.011.027.607)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu		
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	4.064.421.376.542	3.710.025.532.005
Trả gốc vay và lãi vay		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	407.359.971.204	418.825.354.710
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	206.288.239.379	232.659.740.923
Lãi đầu tư, cho vay		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	329.997.222.222	210.797.638.888

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.932.119.431.625	8.172.525.388.959
Phải thu Công ty Mua bán điện	1.091.595.212.489	732.504.499.886
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng	1.193.455.770.150	1.193.455.770.150
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	817.295.117.400
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	2.350.000.000.000	2.350.000.000.000
Phải thu khác Tập đoàn Điện lực Việt Nam	58.640.804.046	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Thu nhập của Ban Giám đốc:**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương	1.421.665.300	1.322.810.727

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán và khoản mục "Chi phí hoạt động tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh không so sánh được với số liệu tương ứng năm trước do Công ty không áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như trình bày tại Thuyết minh số 3.

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

 <hr/> Nguyễn Quang Huy Người lập biểu	 <hr/> Lê Thế Sơn Kế toán trưởng	 <hr/> Phạm Kim Lâm Tổng Giám đốc
--	--	--

Ngày 19 tháng 3 năm 2013

(Toàn văn Báo cáo Tài chính kiểm toán của Công ty mẹ năm 2012 và Báo cáo tài chính Hợp nhất kiểm toán năm 2012 của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại được đăng tải tại website: www.ppc.evn.vn)